**Mẫu số 06A**

|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC**…….... (1) ……....**-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |

**PHIẾU THẨM ĐỊNH HỒ SƠ**

**ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH**

**GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

*(Chú ý: Nếu nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: , nếu nội dung không đúng thì để trống: □; số trong ngoặc [ ] cho biết mục này tương ứng với cột cùng số thứ tự trong bản trích ngang - Mẫu số 09A).*

Họ và tên người thẩm định: ……………..

Trình độ đào tạo và chức danh khoa học ……, ngành: …………., chuyên ngành: ………

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA ỨNG VIÊN**

- Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Giáo sư ; Phó giáo sư

- Ngành: ; Chuyên ngành: .……………..

- Họ và tên người đăng ký: ..…………….

- Sinh ngày ……. tháng ……… năm ……; Nam ; Nữ ; Dân tộc: …………..……

- Quốc tịch:………………………………………………………………………………….

- Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): ……………...

- Cơ quan đang công tác: ……………...

- Đăng ký xét chức danh GS/PGS tại HĐGS Cơ sở: ……………...

**B. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**

**1. Đối tượng:**  Giảng viên [1] ; Giảng viên thỉnh giảng [2]

Nơi thỉnh giảng: …...…………

**2. Trình độ đào tạo, chức danh khoa học:**

- Bằng ĐH [3] cấp ngày ... tháng … năm..., ngành:………….., chuyên ngành: ……………

- Bằng ThS [4] cấp ngày ... tháng … năm..., ngành:………….., chuyên ngành: ……………..

- Bằng TS [5] cấp ngày ... tháng … năm..., ngành:………….., chuyên ngành: ………………

- Bằng TSKH [6] cấp ngày ... tháng … năm..., ngành:………….., chuyên ngành: …………..

- Được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS [7] ngày ….. tháng ….. năm …………………...

thuộc ngành: ……………………………..………………………………………………......

**3. Thời gian thực hiện nhiệm vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên**

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo/số năm sau PGS, TS [8]: …………………..

- Trong 06 năm ứng viên đã kê khai, trong đó có 03 năm cuối liên tục (số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp, số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi, số giờ chuẩn định mức) [9, 10, 11]

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm học** | **Số giờ giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp** | **Số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi** | **Số giờ chuẩn định mức** | **Đánh giá** |
| 1 |  |  |  |  |  Đủ Không đủ  |
| 2 |  |  |  |  |  Đủ Không đủ  |
| 3 |  |  |  |  |  Đủ Không đủ  |
| 4 |  |  |  |  |  Đủ Không đủ  |
| 5 |  |  |  |  |  Đủ Không đủ  |
| 6 |  |  |  |  |  Đủ Không đủ  |

**4. Đánh giá Báo cáo khoa học tổng quan**

Đánh giá chất lượng và thống kê số công trình khoa học, đề tài khoa học, hướng dẫn NCS/HVCH, CK2, BSNT có phù hợp theo từng hướng nghiên cứu của ứng viên:

**4.1. Kết quả đánh giá:**

***a) Hướng nghiên cứu 1:***

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: …………………………………………

 Thống kê theo số thứ tự trong Mẫu 01: ……………………………………………………

Trong đó, số lượng và số thứ tự theo mẫu 01 của các bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc tế (đối với ngành văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao) là tác giả chính sau PGS/TS: [ ], [ ], …………………………..………………

- Số lượng sách chuyên khảo, chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản: ………

 Thống kê theo số thứ tự trong Mẫu 01: ……………………………………………………..

- Đề tài khoa học: (Số lượng/cấp Nhà nước, Bộ, Cơ sở):…………………………………......

 Thống kê theo số thứ tự trong Mẫu 01: ……………………………………………………..

- Hướng dẫn chính, đã có QĐ cấp bằng: (Số lượng NCS/HVCH, CK2, BSNT):….………….

 Thống kê theo số thứ tự trong Mẫu 01: ……………………………………………………..

***b) Hướng nghiên cứu 2***:

 ……………………………………………………………………………………………

**4.2. Kết luận:**

- Đánh giá về BCKH tổng quan (Theo khoản 2 Điều 10 và mẫu số 03 Phụ lục II QĐ37):

+ Ưu nhược điểm của BCKH tổng quan: …………………………………………………...

+ Những vấn đề ứng viên cần làm rõ khi trình bày BCKH tổng quan: ……………………..

- Kết luận chung: Đạt ; Không đạt [40]

**5. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đối tượng** | **Trách nhiệm** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
|  NCS đã có Quyết định cấp bằng TS | Chính [12] |  |  |
| Phụ [13] |  |  |
|  HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT | Chính [14] |  |  |

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu | Trách nhiệm | Số lượng |
| Chương trình (CT) | Cấp Nhà nước | Chủ nhiệm, Phó CN, Thư ký [15] |  |
| Đề tài (ĐT) | Cấp Nhà nước | Chủ nhiệm [16] |  |
| Cấp bộ, nhánh cấp NN, ĐTKH cơ bản | Chủ nhiệm [17] |  |
| Cấp cơ sở | Chủ nhiệm [18] |  |
| 2. Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học | Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển [19] |  |

**7. Biên soạn sách phục vụ đào tạo**

a) Kết quả chung

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại sách** | **Cả quá trình** | **Điểm sách trong 3 năm cuối** |
| **Tên sách** | **Số tác giả** | **Số điểm** |
| Sách chuyên khảo [20] | Viết một mình | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Chủ biên | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Viết chung | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Chương sách do NXB uy tín thế giới xuất bản [21] | Viết một mình | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Viết chung | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Giáo trình [22] | Viết một mình | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Chủ biên | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Viết chung | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Sách tham khảo [23] | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Sách hướng dẫn [24] | … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| Tổng số điểm biên soạn sách [25] |  |  |

b) Số lượng và thứ tự theo mẫu 01 của sách chuyên khảo do NXB có uy tín xuất bản, chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản, là chủ biên sau PGS/ TS [26]: …………..

**8. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; sáng chế, giải pháp hữu ích; giải thưởng quốc gia, quốc tế**

| **Bài báo, báo cáo KH; sáng chế, giải pháp hữu ích; giải thưởng quốc gia, quốc tế** | **Cả quá trình** | **3 năm cuối** |
| --- | --- | --- |
| **Số lượng** | **Điểm** | **Số lượng** | **Điểm** |
| 1. Bài báo, báo cáo khoa học |  |  |  |  |
| - Tổng số bài báo, báo cáo KH ứng viên khai/Tổng số bài được tính điểm [27]: | ……. | …… | …… | …… |
| - Bài báo đăng trong tạp chí có uy tín [28]: | …… | …… | …… | …… |
| - Các bài báo khoa học còn lại [29]:- Các báo cáo khoa học [30]: | ………… | ………… | ………… | ………… |
| 2. Sáng chế, giải pháp hữu ích; TP nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế [31]: | …… | …… | …… | …… |
| 3. Tổng điểm nghiên cứu khoa học [32]=[28]+[29]+[30]+[31] | …… |  | …… |

Trong đó: Số lượng và số thứ tự theo mẫu 01 của bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật/thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao) mà ứng viên là tác giả chính sau PGS/TS [33]: …………; Điểm cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại CTKH** | **Số thứ tự theo mẫu 01** | **Số tác giả** | **Tháng/năm công bố** | **Điểm tính cho CTKH** | **Điểm tính cho ƯV** |
| 1. Bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín, là tác giả chính sau PGS/TS [28] | [ ] | … | … | … | … |
| [ ] | … | … | … | … |
| … | … | … | … | … |
|  Tổng số tính cho ứng viên (SL/Đ): …………. |
| 2. Sáng chế, giải pháp hữu ích là tác giả chính sau PGS/TS | [ ] | … | … | … | … |
| [ ] | … | … | … | … |
| … | … | … | … | … |
|  Tổng số tính cho ứng viên (SL/Đ): ..………… |
| 3. TP nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng quốc tế là tác giả chính sau PGS/TS | [ ] | … | … | … | … |
| [ ] | … | … | … | … |
| … | … | … | … | … |
| Tổng số tính cho ứng viên (SL/Đ): ………….  |

*Lưu ý: - Tổng điểm từ các bài báo KH, bằng độc quyền SC/GPHI, TP nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT đạt giải thưởng QG, QT ([28]+[29]+[31]=…… điểm) đối với: Lĩnh vực KH tự nhiên, kỹ thuật-công nghệ và KH sức khỏe, ƯV GS phải ≥ 12,0 điểm, ƯV PGS phải ≥ 6,0 điểm; Lĩnh vực KH XH&NV, nghệ thuật, TDTT, ƯV GS phải ≥ 8,0 điểm, ƯV PGS phải ≥ 4,0 điểm.*

*- Các công trình khoa học được tính điểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Quyết định 37 và phù hợp với các hướng nghiên cứu được phân tích trong BCKH tổng quan của ứng viên;*

*- Không tính điểm các CTKH thay thế cho tiêu chuẩn hướng dẫn, đề tài khoa học còn thiếu.*

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO**

1. Tổng hợp chung

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động khoa học và đào tạo** | **Cả quá trình**  | **3 năm cuối**  |
| - Tổng điểm sách [25] |  |  |
| - Tổng điểm nghiên cứu khoa học [32] |  |  |
| Điểm tổng cộng [34], [35]: |  |  |

2. Tổng số sách CK xuất bản ở NXB có uy tín, chương sách được xuất bản ở NXB có uy tín trên thế giới, bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín, sáng chế, giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc tế, mà ƯV tác giả chính sau PGS/TS [36]=[26]+[33]: ........................................

3. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định và CTKH thay thế [37]:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……………………

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ………………………

- Giờ giảng dạy
+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ……

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):………………………

- Hướng dẫn chính NCS, HVCH/CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS có Quyết định cấp bằng TS (ƯV xét chức danh GS)

 CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ……………………………………………………………………………………………….

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS)

 CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: …………………………………………………………………...

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS)

 CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ………….……………………..……………………………………………………………..

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS)

 CTKH thay thế để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ……………………….………………………………………………………………………

- Không đủ số công trình khoa học là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

 Sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……………………………………

+ Đối với ứng viên PGS, đã công bố được: 02 CTKH

 Sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……………………………………

d) Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên chức danh GS):

- Tổng điểm biên soạn sách đạt ……… điểm, còn thiếu …… điểm;

*Lưu ý: Số điểm biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo phải đạt tối thiểu 2,5 điểm đối với ƯV thuộc lĩnh vực KHXH&NV, NT, TDTT; 1,5 điểm đối với ƯV thuộc lĩnh vực KHTN, KT&CN, KHSK.*

**C. NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI THẨM ĐỊNH**

*(Nêu rõ mặt mạnh, yếu của ứng viên và đánh giá ưu điểm, nhược điểm của hồ sơ; mối liên hệ giữa các công trình khoa học, hướng dẫn, đề tài khoa học, sách chuyên khảo và các hướng nghiên cứu được nêu trong báo cáo khoa học tổng quan của ứng viên; sự hợp lý của những công trình khoa học thay thế cho những tiêu chuẩn không đủ theo quy định)*

a) Ưu điểm: ……………………………………………………………………………….…

……………………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………….

b) Nhược điểm: ……………………………………………………………………………...

……………………………………………………………………………………………….

……………………………………………………………………………………………….

c) Đánh giá chung (nêu rõ mức độ đạt/không đạt theo tiêu chuẩn quy định): …………….

 ……………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.....(2)....., ngày ..... tháng ....năm ....(Ký và ghi rõ họ tên)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành.

(2) Địa danh.